TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24/7/2025.
V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Hoa

2. Bà Đoàn Thị Huệ

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Cao Vũ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 – An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – An Giang tham gia phiên tòa**:* Ông Phạm Hoàng Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 07/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2025, về việc "*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2025, Thông báo vè việc mở lại phiên tòa số 04/2025/TB-TĐTGMPT ngày 03 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1 *Nguyên đơn:* **Chị Nguyễn Thị Diễm K**, sinh năm 1992 *(Có mặt)*

Địa chỉ: số E, ấp V, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre. Nay là: số E, ấp V, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* **Anh Trần Văn T**, sinh năm 1993 *(Có mặt)*

Địa chỉ: ấp K, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Nay là ấp K, xã V, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 5 năm 2024 và Đơn khởi kiện bổ sung ngày 24 tháng 7 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm K trình bày: Sau quá trình tìm hiểu và yêu thương nhau, năm

2019 chị K và anh T tự nguyện về chung sống vợ chồng, hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre vào ngày 04/5/2022. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng khoảng năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không còn phù hợp, quan điểm cá nhân của mỗi người có sự khác biệt, không còn phù hợp, đời sống chung không còn hạnh phúc, thường xuyên xãy ra mâu thuẫn. Tình cảm vợ chồng giữa chị K giành cho anh T hiện nay không còn, do đó chị K xin được ly hôn với anh T. Chị và anh T đã sống ly thân từ cuối năm 2023 đến nay.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị K và anh T có một người con chung là cháu Trần Nguyễn Khánh N, sinh ngày 02/3/2022. Chị K yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị K và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh Trần Văn T trình bày: Sau quá trình tìm hiểu và yêu thương nhau, anh T và chị K tự nguyện chung sống vợ chồng và lập thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre vào ngày 04/5/2022.

Trong quá trình chung sống, anh T nhận thấy bản thân anh đã làm tròn trách nhiệm, nghĩa vụ của một người chồng, người cha, vẫn luôn hết mực thương yêu vợ con. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc chị K khởi kiện ly hôn theo anh là do thời gian trước đây, anh có tham gia đánh bạc trên mạng dẫn đến nợ nần nhiều, không chăm lo cho vợ con nhiều, làm vợ buồn. Tuy nhiên hiện nay anh đã bỏ việc cờ bạc, tu chí làm ăn, hiện nay anh vẫn còn thương vợ thương con nên không đồng ý ly hôn với chị K.

Hiện anh và chị K sống ly thân nhiều tháng nay, tuy nhiên anh vẫn thường xuyên quan tâm, chăm sóc vợ con.

Về con chung: Vợ chồng ông có 01 người con chung là cháu Trần Nguyễn Khánh N, sinh ngày 02/3/2022, hiện nay do chị K trực tiếp nuôi dưỡng. Do anh T không đồng ý việc ly hôn với chị K nên anh không có ý kiến về việc ai là người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, về việc cấp dưỡng và không ý kiến đối với tài sản, anh T xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng anh không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng ông.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Diễm K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Anh Trần Văn T vẫn giữa nguyên ý kiến về việc không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của chị K. Tuy nhiên về con chung, anh đồng ý giao cháu Khánh

N cho chị K nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ đến khi cháu Khánh N đến tuổi trưởng thành, về tài sản và nợ chung anh T xác nhận vợ chồng anh chị không có tài sản chung và không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – An Giang phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự thủ tục giải quyết vụ án.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về nội dung vụ án thì xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của anh T về việc cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ nuôi cháu N đến tuổi trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm K khởi kiện tranh chấp xin ly hôn, nuôi con với anh Trần Văn T nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Minh.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Diễm K và anh Trần Văn T tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre vào ngày 04/5/2022. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình xác nhận hôn nhân giữa chị K và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, chị K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn với anh Trần Văn T, do bất đồng quan điểm trong đời sống chung giữa vợ và chồng, đời sống chung không phù hợp, từ đó ảnh hưởng đến tình cảm chung của vợ chồng. Do thời gian trước đây, anh T có tham gia đánh bạc trên mạng, chị đã nhiều lần khuyên anh từ bỏ nhưng anh T vẫn tiếp tục tham gia dẫn đến nợ nần hiện vẫn chưa trả xong. Từ đó tình cảm vợ chồng rơi vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được.

Anh T giữ nguyên ý kiến về việc không đồng ý ly hôn với chị K do anh T nhận thấy vẫn làm tròn trách nhiệm của một người chồng, người cha trong gia đình, vẫn yêu thương, quan tâm, chăm sóc cho vợ con đồng thời yêu cầu chị K cho anh T thời gian để hàn gắn tình cảm vợ chồng mặc dù trước đây anh có thời gian sai lầm dẫn đến nợ nần, ảnh hưởng tình cảm chung của vợ chồng, nhưng hiện nay anh đã sửa đổi, tu chí làm ăn và làm tròn trách nhiệm của người chồng

người cha, luôn thương yêu, quan tâm, chăm sóc vợ con. Tại phiên tòa, anh T yêu cầu cho anh thơi gian để anh và chị K hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, yêu cầu này của anh không được chị K chấp nhận.

Nhận thấy từ thời điểm thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã có thời gian để các đương sự hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên phía anh T đến nay vẫn không có cách nào để níu kéo, hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa anh và chị K. Tại phiên tòa, chị K vẫn cương quyết ly hôn, do đó Hội đồng xét xử xét thấy việc kéo dài đời sống chung vợ chồng giữa anh T và chị K chỉ làm mâu thuẫn tình cảm giữa anh và chị K càng trở nên trầm trọng hơn, chị K và anh T cùng xác nhận đã sống ly thân từ cuối năm 2023 đến nay. Hôn nhân giữa chị K và anh T đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc kéo dài đời sống chung vợ chồng là không cần thiết, do đó yêu cầu của chị Nguyễn Thị Diễm K về việc ly hôn anh Trần Văn T là có cơ sở chấp nhận.

Từ những cơ sở nhận định trên, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Diễm K được ly hôn với anh Trần Văn T.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng, chị K và anh T có có 01 người con chung là cháu Trần Nguyễn Khánh N, sinh ngày 02/3/2022, hiện chị K đang trực tiếp nuôi dưỡng. Chị K yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, anh T có ý kiến không đồng ý việc ly hôn với chị K, tuy nhiên anh đồng ý giao cháu Trần Nguyễn Khánh N cho chị K nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành đồng thời anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 2.000.000đ đến khi cháu N đủ tuổi trưởng thành. Anh T xác nhận vợ chồng anh không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Hội đồng xét xử xét thấy, để tạo mọi điều kiện tốt nhất cho con chung của chị K và anh T được phát triển toàn diện về thể chất lẫn tinh thần, đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên khi chị K, anh T ly hôn, đồng thời cháu Trần Nguyễn Khánh N là cháu gái, do đó cần sự chăm sóc của người mẹ nên cần tiếp tục giao cháu N cho chị K được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh T về việc cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 2.000.000đ đến đủ tuổi trưởng thành.

Căn cứ các Điều 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Diễm K và anh Trần Văn T xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[3] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc chị Nguyễn Thị Diễm K phải chịu án phí sơ thẩm xin ly hôn, anh Trần Văn T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Diễm K được ly hôn với anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Khánh N, sinh ngày 02/3/2022 cho chị K tiếp tục được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T về việc cấp dưỡng nuôi cháu N hàng tháng với số tiền 2.000.000đ đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Anh Trần Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung và không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Diễm K không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Diễm K phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005330 ngày 16/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Như vậy chị K đã nộp xong.

Buộc anh Trần Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với việc cấp dưỡng nuôi con với số tiền 300.000đ.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp bản án, quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 7;
- Phòng THADS Khu vực 7;
- UBND xã Đại Điền, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Toàn